

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30 /2019/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 82/TTr-STP ngày 07/6/2019 về việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu, rà soát, xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Sơ kết, tổng kết tình hình thi hành để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.”

2. Khoản 3 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Nội dung kiểm tra liên ngành thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 26, khoản 27 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan.”

3. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND tỉnh trong việc quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc quản lý, khai thác, sử dụng và duy trì, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

b) Quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

c) Đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin do cơ quan, đơn vị mình cập nhật; kịp thời đính chính, bổ sung, hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.”

4. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo tình hình xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại địa phương đến UBND cấp huyện trước ngày 05 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng, trước ngày 05 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo tình hình xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại địa phương gửi Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo năm để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp.

Phòng Tư pháp tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo năm để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp.

Sở Tư pháp tham mưu, giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương trước ngày 20 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 20 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

4. Thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm; đối với báo cáo năm, từ ngày 01 tháng 01 năm đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đối với số liệu xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác theo dõi tình hình xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh, không tổng hợp vào Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gửi Bộ Tư pháp.

5. Ngoài thực hiện nội dung tại khoản 3 Điều này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo các nội dung sau:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo tình hình áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên, người ốm yếu không còn khả năng lao động sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Công an tỉnh tổng hợp, báo cáo tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính về áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trên địa bàn tỉnh.

6. Đối với các báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất liên quan đến việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì thời hạn, nội dung báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp hoặc theo yêu cầu của cơ quan được giao chủ trì thực hiện báo cáo.

7. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 25 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP; khoản 31 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, Thông tư số 16/2018/TT-BTP và các văn bản pháp luật khác liên quan.”

5. Khoản 1, khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý, kịp thời phối hợp thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành

2. Phối hợp với người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính khi có yêu cầu.

Đối với các vụ việc vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm gửi toàn bộ hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Quyết định số 55/2018/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh quy định thẩm quyền, cách thức xác định, kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các văn bản pháp luật liên quan.”

6. Khoản 3 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Kiểm tra, đánh giá các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng.”

7. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 15. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan đảm bảo nhân sự thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật”.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Cục thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Cục Quản lý thị trường tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

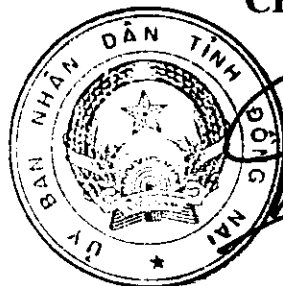
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10/7/2019, các nội dung khác của Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, các phòng, ban, NC.

<chau.nc>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Thái